

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 04/02/2021

1

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang

2. Bà Nguyễn Thị Lai

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Có, Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện TP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 352/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐ-HPT, ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Trọng V, sinh năm 1995

Địa chỉ: 09 Lê Duẩn, khu phố 4, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1999

Địa chỉ: 09 Lê Duẩn, khu phố 4, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Trọng V trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Mỹ L xác lập quan hệ vợ chồng năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi lấy nhau, vợ chồng sống chung với cha mẹ ông ở khu phố 4, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận. Từ khi lấy nhau vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do ông và bà L bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tháng 4 năm 2018, bà L bỏ về quê bà L ở Thanh Hóa sống, ông nhiều lần yêu cầu bà L quay lại sống chung nhưng bà L không đồng ý nên ông và bà L sống ly thân nhau từ đó. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ L.

Về con chung: Ông và bà Phạm Thị Mỹ L có 01 con chung: Hồ Hoàng T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2017, cháu T hiện đang ở với ông. Ông yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Bị đơn ông Phạm Thị Mỹ L vắng mặt nơi cư trú và không rõ thời điểm trở về nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, ông V được ly hôn bà L; về con chung: giao cháu T cho ông V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ Trọng V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Phạm Thị Mỹ L; về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện TP quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhiều lần đến nhà bà L tại khu phố 04, thị trấn LH nhưng bà L vắng mặt tại nơi cư trú và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Ông Hồ Trọng V và bà Phạm Thị Mỹ L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP theo giấy chứng nhận kết hôn số 259 ngày 18 tháng 12 năm 2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

4. Về yêu cầu khởi kiện của ông V:

4.1. Về yêu cầu ly hôn: Ông V yêu cầu được ly hôn bà L với lý do ông và bà L bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tháng 4 năm 2018, bà L bỏ về quê bà L ở Thanh Hóa sống, ông nhiều lần yêu cầu bà L trở về sống chung nhưng bà L không đồng ý nên ông và bà L sống ly thân nhau từ đó, lời trình bày của ông V phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông bà sinh sống, điều đó thể hiện bà L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V với bà L

4.2. Về yêu cầu nuôi con chung: Ông V và bà L có 01 con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2017, hiện đang ở với ông V. Ông V yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu của ông V là phù hợp với tình hình thực tế cuộc sống cháu T nên chấp nhận. Ông V không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

4.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

5. Về án phí: Ông V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho ông tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hồ Trọng V đối với bà Phạm Thị Mỹ L; Ông Hồ Trọng V được ly hôn bà Phạm Thị Mỹ L; Giấy chứng nhận kết hôn số 259 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn LH không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông V và bà L có 01 con chung tên Hồ Hoàng T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2017, hiện đang ở với ông V

Giao cho ông V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi; Ông V không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về án phí: Ông Hồ Trọng V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông V đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0009004, ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP nên không hoàn lại cho ông V số tiền này

4. Nguyên đơn ông V có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn bà L vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- UBND thị trấn LH;
- Lưu hs

Hồ Hoàn Kiếm